

CÔNG TY CỔ PHẦN STC QUỐC GIA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN STC QUỐC GIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: STC NATION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: STC NATION .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107648668

3. Ngày thành lập: 28/11/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 153B An Thắng, Phường Biên Giang, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0437970233

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
2.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý;	4610
3.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
4.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
5.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
6.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
7.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
8.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
9.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
10.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
11.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
12.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
13.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
14.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
15.	Bán buôn đồ uống	4633
16.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;	8299

17.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
18.	Bán buôn gạo	4631
19.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
20.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
21.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
22.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
23.	Bán buôn tổng hợp	4690
24.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
25.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
26.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
27.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
28.	Xây dựng công trình công ích	4220
29.	Phá dỡ	4311
30.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
31.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
32.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
33.	Bán mô tô, xe máy	4541
34.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
35.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
36.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
37.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
38.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
39.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
40.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
41.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
42.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
43.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
44.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
45.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
46.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
47.	Bán buôn thực phẩm	4632
48.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
49.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

50.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663(Chính)
51.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
52.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
53.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
54.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
55.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
56.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
57.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
58.	Xây dựng nhà các loại	4100
59.	(Đối với ngành nghề có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. Vốn điều lệ: 1.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	BÙI VĂN THUY	Số 28, ngõ 317, phố Tây Sơn, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	38.000	380.000.000	20,000	013014679	
			Tổng số	38.000	380.000.000	20,000		
2	PHAN THỊ THÚY	Tổ 4 Văn Nội, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.800	38.000.000	2,000	008188000133	
			Tổng số	3.800	38.000.000	2,000		
3	TRẦN VĂN SỸ	Tổ 4 Thôn Văn Nội, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	89.300	893.000.000	47,000	024078000124	
			Tổng số	89.300	893.000.000	47,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHAN THỊ THỦY

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 06/12/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 008188000133

Ngày cấp: 07/12/2015

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ 4 Văn Nội, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ 4 Văn Nội, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội